

Số: 55/2024/QĐST-HNGĐ

Điện Biên Đông, ngày 22 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Giàng Thị C, sinh năm: 1995;

Bị đơn: Anh Vàng A P, sinh năm 1990;

Cùng trú tại: Bản H, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản phiên tòa theo thủ tục rút gọn ngày 22/8/2024.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Giàng Thị C, sinh năm: 1995. Trú tại: Bản H, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Vàng A P, sinh năm 1990. Trú tại: Bản H, xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giàng Thị C và anh Vàng A P thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Anh Vàng A P được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con là: Vàng Thị T, sinh ngày 30/9/2016 và cháu Vàng Thị D, sinh ngày 26/3/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị C cấp dưỡng nuôi con chung với mức 250.000đ/01 tháng/ 01 cháu. Tổng mức cấp dưỡng cho hai con chung là 500.000đ/ 01 tháng. Số tiền cấp dưỡng này định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, chị C chuyển vào số tài khoản 8910205059710, ngân hàng Agribank, chủ tài khoản anh Vàng A P. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/9/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

Trường hợp chị Chu chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã K, huyện Đ là xã đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị C và anh P được miễn án phí thuận tình ly hôn và chị C được miễn án phí đối với nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh Điện Biên;
- UBND xã K.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga